

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 312-TTg ngày 12-12-1995 về việc bổ sung đối tượng hưởng trợ cấp mất sức lao động dài hạn; trợ cấp thêm đối với người hưu trí cô đơn và công nhân viên chức là quan nhân chuyên ngành về hưu.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Bổ sung đối tượng trợ cấp mất sức lao động dài hạn là những người nghỉ việc, đã hoặc đang được hưởng trợ cấp mất sức lao động nếu có thời gian công tác đủ 20 năm trở lên (không tính quy đổi theo hệ số).

Những người thuộc diện này đang được hưởng trợ cấp mất sức lao động thì sau khi hưởng trợ cấp đến hết 1/2 thời gian công tác quy đổi, được tiếp tục hưởng trợ cấp hàng tháng.

Những người thuộc diện này mà đã ngừng hưởng trợ cấp từ sau ngày 1 tháng 3 năm 1990 thì được hưởng lại trợ cấp kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 2.- Người đang hưởng lương hưu sống cô đơn, không còn thân nhân trực tiếp chăm sóc, không có nguồn thu nhập nào khác, mức lương hưu thấp hơn 180.000 đồng/tháng thì được phụ cấp thêm để mức lương hưu bằng 180.000 đồng/tháng.

Điều 3.- Cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân và công an nhân dân có thời gian đủ 20 năm trở lên phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, lực lượng Công an nhân dân, nếu chuyên ngành ra làm việc tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước trước tháng 4 năm 1993, sau đó nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, ngoài việc được hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng theo thang lương, bảng lương quy định chung, còn được trợ cấp thêm hàng tháng như sau: Cứ mỗi năm phục

vụ trong Quân đội nhân dân hoặc Công an nhân dân được hưởng 1% mức tiền lương tối thiểu.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1996. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 5.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

CÁC BỘ

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH số 747-TM/KD ngày 7-9-1995 ban hành bản Quy chế Kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ.

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định số 95-CP ngày 4-12-1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 2-CP ngày 5-1-1995 của Chính phủ quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh thương mại và hàng hóa, dịch vụ kinh doanh thương mại có điều kiện ở thị trường trong nước;

Sau khi thỏa thuận với Bộ Nội vụ, Bộ Y tế và Tổng cục Du lịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ.

Điều 2.- Bản Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Quy chế này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ thuộc mọi thành phần kinh tế trong phạm vi cả nước. Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường, Giám đốc Sở Thương mại các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quyết định này.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thứ trưởng

TRƯỞNG ĐÌNH TUYẾN

QUY CHẾ Kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ

(ban hành kèm theo Quyết định số 747-TM/KD ngày 7-9-1995 của Bộ Thương mại).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Mọi tổ chức, cá nhân không phân biệt thành phần kinh tế là của người Việt Nam hay người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam muốn kinh doanh ăn uống bình dân, kinh doanh nhà trọ phải có đủ điều kiện quy định trong Quy chế này.

Điều 2.- Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

2.1. Kinh doanh ăn uống bình dân là hoạt động dùng lương thực, thực phẩm làm nguyên liệu với kỹ thuật và công nghệ đơn giản để chế biến tại chỗ thành thức ăn, đồ uống nhằm đáp ứng nhu cầu phổ thông của khách dưới các hình thức cửa hàng ăn uống, quán ăn uống (sau đây gọi tắt là quán ăn, uống); giá bán phù hợp với khả năng thanh toán của đại bộ phận dân cư và chủ yếu do người kinh doanh dưới vốn pháp định thực hiện.

2.2. Kinh doanh nhà trọ là hoạt động cho thuê chỗ nghỉ đối với khách vắng lại theo ngày, giờ nhất định (có qua đêm hoặc không qua đêm), với trang thiết bị, tiện nghi tối thiểu; giá cả phù hợp với khả năng thanh toán của đại bộ phận dân cư

và chủ yếu do người kinh doanh dưới vốn pháp định thực hiện.

Điều 3.- Những hoạt động dưới đây không thuộc đối tượng áp dụng của Điều 5 và Điều 8 Quy chế này.

3.1. Những người bán hàng ăn uống rong, quà vật.

3.2. Căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống cho nội bộ cơ quan, đoàn thể, bệnh viện, trường học, lực lượng vũ trang...

3.3. Bán hàng lương thực, thực phẩm không qua sản xuất chế biến tại chỗ (hàng bán sẵn) có bao gói như bánh kẹo, rượu, bia, nước giải khát đóng chai, các loại thực phẩm đóng hộp, thuốc lá điếu...

Điều 4.- Bộ Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ trong cả nước. Sở Thương mại thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực trên trong phạm vi địa phương của mình.

Chương II

ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ VÀ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Điều 5.- Người hành nghề kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ phải có các điều kiện sau:

5.1. Là công dân Việt Nam, người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đủ 18 tuổi, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

5.2. Có địa điểm kinh doanh nhất định. Địa điểm kinh doanh phải phù hợp với pháp luật và các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước về vệ sinh phòng dịch, bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo đảm an toàn giao thông và trật tự xã hội.

Nghiêm cấm việc sử dụng vỉa hè ở các đô thị vào việc kinh doanh ăn uống. Sở Thương mại phối hợp với các ngành hữu quan xác định cụ thể một số đường phố đặc biệt có thể sử dụng một phần vỉa hè trong vỉa hè để kinh doanh trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt và công bố để mọi người biết và thực hiện.

5.3. Có các trang bị tiện nghi tối thiểu ghi trong phụ lục 1 (đối với kinh doanh ăn uống bình dân) và ghi trong phụ lục 2 (đối với kinh doanh nhà trọ).

5.4. Quán ăn uống, nhà trọ phải thông thoáng, sáng sủa, cách xa khu vệ sinh công cộng, bãi rác.

09651714

hồ ao tù ít nhất là 100 mét; xa nơi sản xuất có thải ra nhiều bụi, chất độc hại hoặc các bệnh viện có thể gây ra các bệnh truyền nhiễm từ 100 - 500 mét; có hệ thống cấp nước sinh hoạt và hệ thống thoát nước thải hợp vệ sinh.

5.5. Nhà trọ phải có khu nhà xí, nhà tắm hợp vệ sinh và đủ đáp ứng nhu cầu của số lượng khách trọ.

5.6. Có sức khỏe bình thường và không mắc các bệnh truyền nhiễm theo quy định của Bộ Y tế.

5.7. Kinh doanh nhà trọ phải có thêm các điều kiện bảo đảm về an ninh, trật tự và được cơ quan Công an nơi kinh doanh xác nhận (theo Điều 8).

Điều 6.- Những người sau đây không được kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ:

6.1. Là công chức, cán bộ quản lý đang làm việc trong các cơ quan hành chính và các doanh nghiệp Nhà nước, sĩ quan tại ngũ thuộc các lực lượng vũ trang; những người đang giữ chức vụ trong bộ máy chính quyền các cấp theo chế độ bầu cử.

6.2. Những người mắc một trong những bệnh ghi tại phụ lục 3.

6.3. Người kinh doanh bị xử phạt hành chính thu hồi giấy phép kinh doanh trong thời hạn hiệu lực của Quyết định xử phạt.

Điều 7.- Những người sau đây không được kinh doanh nghỉ trọ:

7.1. Người đang bị quản chế, cải tạo không giam giữ, bị án tù cho hưởng án treo.

7.2. Người đã bị khởi tố về hình sự hoặc đang có liên quan trực tiếp vào vụ án hình sự mà cơ quan có thẩm quyền đang tiến hành điều tra.

7.3. Người có tiền án về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội hình sự khác có quan hệ trực tiếp tới nghề cho thuê nghỉ trọ. Người đã có tiền án mà chính họ đã lợi dụng hoạt động kinh doanh nhà trọ để hoạt động phạm tội. Người lợi dụng việc kinh doanh nhà trọ để chứa chấp mại dâm, tiêm chích ma túy, cờ bạc...

Điều 8.- Người hành nghề kinh doanh ăn uống bình dân và nghỉ trọ phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh để làm cơ sở cho việc xin cấp hoặc bổ sung giấy phép kinh doanh.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ là Sở Thương mại các tỉnh, thành phố. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận theo đúng hướng dẫn tại mục III.2 Thông tư số 13-TM/CSTTTN ngày 21-6-1995 của Bộ Thương mại.

Điều 9.- Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh gồm:

9.1. Đơn xin phép kinh doanh (nếu lần đầu ra kinh doanh); hoặc đơn xin bổ sung hay thay đổi giấy phép kinh doanh (nếu đang kinh doanh). Đơn xin phép kinh doanh theo mẫu số M1.GPKD ban hành kèm theo Thông tư số 7-TM/DL ngày 18-5-1992 của Bộ Thương mại và Du lịch (nay là Bộ Thương mại).

9.2. Giấy khám sức khỏe của người xin kinh doanh và những người trực tiếp tham gia kinh doanh.

9.3. Trước khi cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nghỉ trọ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thỏa thuận với cơ quan Công an để xác định đủ điều kiện về an ninh trật tự khi hành nghề kinh doanh đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 17-CP ngày 23-12-1992 của Chính phủ; Thông tư số 3-BNV ngày 27-3-1993 và Quyết định số 446-BNV/QĐ ngày 25-11-1993 của Bộ Nội vụ.

Chương III

NHỮNG QUY ĐỊNH TỐI THIỂU PHẢI THỰC HIỆN KHI KINH DOANH

Điều 10.- Vệ sinh môi trường và an toàn trong kinh doanh:

10.1. Rác, chất thải phải đựng vào thùng, sọt có nắp đậy kín và phải đổ rác, xử lý chất thải hàng ngày.

10.2. Phải có biện pháp chống chuột, muỗi, ruồi, rệp định kỳ theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan Y tế địa phương.

10.3. Đối với những quán ăn uống ở gần đường, nhiều bụi phải có biện pháp và các phương tiện chống bụi thích hợp.

10.4. Nơi kinh doanh ăn uống bình dân và nhà trọ phải có phương tiện tối thiểu để đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của cơ quan Công an.

Điều 11.- Vệ sinh cá nhân trong kinh doanh:

11.1. Những người làm việc trong quán ăn uống, nhà trọ trước khi tuyển dụng phải được kiểm tra sức khỏe, sau đó cứ mỗi năm (12 tháng) khám lại một lần.

11.2. Người phụ trách đơn vị có trách nhiệm tổ chức việc khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên. Nếu người nào mắc một trong các bệnh theo quy

định của phụ lục 3 thì tạm thời nghỉ việc cho tới khi điều trị khỏi bệnh hoặc chuyển sang làm việc khác.

11.3. Người làm nghề nấu ăn, pha chế giải khát phải:

- Nắm vững những điều cần thiết về vệ sinh lương thực, thực phẩm.

- Thực hiện những yêu cầu về vệ sinh trong bảo quản, vận chuyển, chế biến và phục vụ khách hàng.

- Thực hiện những quy định vệ sinh cá nhân khi sản xuất và phục vụ (theo Điều lệ vệ sinh - ban hành kèm theo Nghị định số 23-HĐBT ngày 24-1-1991 của Hội đồng Bộ trưởng nay là Chính phủ).

Điều 12.- Vệ sinh thực phẩm và trang thiết bị trong kinh doanh ăn uống:

12.1. Nguyên liệu chế biến đảm bảo phẩm chất dinh dưỡng phù hợp với tiêu chuẩn quy định của từng loại, không ôi thiu, hư hỏng, không có ký sinh trùng, sâu bọ, không nhiễm hóa chất độc.

12.2. Không được phép sử dụng các loại phụ gia không rõ nguồn gốc, mất nhãn, bao bì hỏng. Chỉ được dùng các loại phẩm màu và chất phụ gia trong danh mục đã được Bộ Y tế cho phép (phụ lục 4).

12.3. Đối với các loại thức ăn chín, các loại thực phẩm có thể ăn ngay phải được che đậy và bao gói khi đem bán cho khách hàng.

12.4. Các trang thiết bị, dụng cụ chế biến, chứa đựng và bảo quản thức ăn, đồ uống phải đảm bảo những quy định về vệ sinh (theo Quyết định số 505-QĐ ngày 13-4-1992 của Bộ Y tế); ngay sau khi sử dụng phải rửa sạch.

12.5. Phải đảm bảo quy tắc vệ sinh thực phẩm trong quá trình chế biến rau, củ, quả. Thực phẩm phải sơ chế trên bàn, không làm dưới mặt đất.

Điều 13.- Nước dùng trong ăn uống, chế biến thực phẩm phải đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh theo quy định của cơ quan Y tế về nước sạch.

Điều 14.- Khi phát hiện hoặc nghi ngờ có vụ ngộ độc thức ăn, đồ uống những người có mặt (kể cả chủ hàng và khách hàng) đều phải có trách nhiệm báo ngay cho cơ quan Y tế gần nhất.

Thức ăn, đồ uống nghi ngờ gây ngộ độc phải giữ lại để điều tra xác minh.

Các loại thức ăn, đồ uống gây ngộ độc tại các quán ăn, uống thì chủ quán phải trả toàn bộ mọi chi phí khám, chữa bệnh, bồi dưỡng sức khỏe cho

bệnh nhân và chi phí cho việc điều tra tìm nguyên nhân gây ngộ độc.

Điều 15.- Vệ sinh và an toàn nhà trọ:

15.1. Phải làm vệ sinh phòng ngủ thường xuyên sạch sẽ không hôi, mốc. Tuyệt đối không được để có chuột, bọ, rệp và các loại côn trùng gây bệnh khác ở phòng ngủ.

15.2. Không để khách mang súc vật (chó, mèo, gà, vịt...), thực phẩm tươi sống hay nặng mùi (mắm tôm, nước mắm, mực khô...), chất nổ, chất dễ cháy, chất độc, vũ khí vào phòng ngủ hoặc nấu nướng tại phòng ngủ. Nếu khách có mang theo, phải tổ chức giữ và bảo quản các đồ vật trên cho khách trong suốt thời gian khách nghỉ trọ.

Chương IV

KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16.- Vụ trưởng Vụ Quản lý kinh doanh, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường Bộ Thương mại, Giám đốc Sở Thương mại, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường theo chức năng có trách nhiệm tổ chức phối hợp với các cơ quan hữu quan kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm về giấy phép kinh doanh (hoặc đăng ký kinh doanh), điều kiện hành nghề và những quy định tối thiểu khi kinh doanh theo đúng pháp luật và Quy chế này.

Các Đội Quản lý thị trường có kế hoạch phối hợp với Phòng Y tế và Công an quận, huyện kiểm tra thường xuyên hoạt động kinh doanh này ở địa bàn.

Điều 17.- Xử lý vi phạm:

17.1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh ăn uống bình dân, nhà trọ nếu vi phạm các quy định tại Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả gây ra sẽ bị xử lý theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính hoặc truy tố trước pháp luật.

17.2. Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với những quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật hiện hành.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thứ trưởng

TRƯƠNG ĐÌNH TUYẾN

Phụ lục 1

**DANH MỤC
TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU TRONG
KINH DOANH ĂN UỐNG BÌNH DÂN**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 747-TM/KD
ngày 7-9-1995).*

1. Khâu sơ chế:

- Bát, đĩa, dĩa.
- Ấu, chậu (men, nhôm).
- Khăn vải.
- Dao thái.
- Lồng bàn (tủ đựng thức ăn bằng lưới).

2. Khâu chế biến:

- Bếp (than, củi, trấu, ga điện, dầu).
- Chảo.
- Nồi nấu.
- Bàn sản.
- Bát, đĩa.
- Chậu rửa.
- Dao các loại.
- Thớt gỗ (thực phẩm sống, chín dùng riêng).

3. Khâu phục vụ:

- Bàn ăn.
- Ghế ngồi.
- Bát, đĩa, thìa.
- Ấu, lọ đựng gia vị.
- Ống tắm, ống dĩa.

Ghi chú: Số lượng cụ thể tính theo lượng khách trung bình.

Phụ lục 2

**DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TỐI THIỂU
TRONG KINH DOANH NHÀ TRỌ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 747-TM/KD
ngày 7-9-1995).*

- Phòng ngủ bố trí nam riêng, nữ riêng.

- Giường (đơn, đôi).
- Chiếu.
- Màn (theo cỡ giường).
- Chăn, mền (theo mùa).
- Đèn (đầu, sạc ác quy, nén).
- Gối (bông, mây, vỏ đậu...).
- Chậu rửa, chậu tắm - giặt.
- Buồng tắm, buồng vệ sinh nam, nữ riêng.
- Nơi giữ tài sản cho khách.

Ghi chú: Số lượng cụ thể tính theo số khách nghỉ trọ trung bình.

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM

*(ban hành kèm theo Quyết định số 747-TM/KD
ngày 7-9-1995).*

Những người bị mắc một trong các bệnh truyền nhiễm sau đây không được làm các công việc trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm và hành nghề ăn uống bình dân, nhà trọ:

- Lao.
- Kiết lỵ.
- Thương hàn.
- Ía chảy, tả.
- Mụn nhọt.
- Són dái, són phân.
- Viêm gan siêu vi trùng.
- Viêm mũi, viêm họng mũi.
- Các bệnh ngoài da.
- Các bệnh da liễu.
- Những người lành mang vi khuẩn gây bệnh đường ruột.

(Trích tiêu chuẩn vệ sinh lương thực -
thực phẩm Quyết định số 505-BYT/QĐ
ngày 13-4-1992 của Bộ Y tế).

Phụ lục 4

PHẨM MÀU THỰC PHẨM CHO PHÉP DÙNG TRONG CHẾ BIẾN
LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM

(ban hành kèm theo Quyết định số 747-TM/KD ngày 7-9-1995).

A. PHẨM MÀU TỔNG HỢP HỮU CƠ:

TÊN THÔNG THƯỜNG	Chỉ số màu quốc tế	TÊN KHOA HỌC
- Phẩm vàng: Tartrazine	19140	Muối Trisodium của 5 - P - Sulphophenyl - 4-sulphophenylazopyrazole - 3 - carboxylic a xit
- Phẩm vàng mặt trời: Sunset yellow FCF	15985	Muối disodium của I - p - sulphophenylazo 2 - naphtol - 6 - sulphonic a xit
- Phẩm xanh: Indigocarmine	73015	Muối disodium của hỗn hợp indigo - 5;5 disulphimic a xit và indigo - 5;7 - disul - phonic a xit
- Phẩm xanh : Brillant blue FCF	42090	Muối disodium của 4 - (4 - N - ethyl - p - sulpho - bendiamino) - phenyl - (2 - sulphoniumphenyl) methylene I - (N - ethyl - N - p - sulphobenzyl) - delta 2,5 - cyclohexadienimie
- Phẩm đỏ: Engthrosine	45430	Muối disodium hoặc potassium của 2 : 4 : 5 : 7 - tetraiodo - fluorescein
- Phẩm đỏ: Amaranth	16185	Muối trisodium của 1 - (4 - sulphonaphthyl - azo) - hydroxynaphthalen - 3,6 - disulphonic axit
- Phẩm đỏ: Ponceau 4 R	16255	Muối trisodium của I - sulpho - I - naphthylazo) - 2 - naphthol - 6:8 disulphonic a xit
- Phẩm đỏ: Carmoisine	14720	Muối disodium của 2 - (4 - sulpho - I - naphthylazo) - I - naphthol - 4 - sulfonic a xit.

B. PHẨM MÀU TỰ NHIÊN, THỰC VẬT:

- Beta - Caroten (Gấc)
- Chlorophylle (Diệp lục tố)
- Curcumin, turmeric (Nghệ)
- Riboflavin, lactoflavin (Vitamin B2)
- Caramen (nước hàng)
- Các loại màu tự nhiên khác của các loại rau quả ăn được như chanh, cam, dứa, sim, mận...

09651714

**DANH MỤC CÁC PHỤ GIA THỰC PHẨM VÀ GIỚI HẠN
CHỖ PHÉP SỬ DỤNG**

Phụ gia tạo ngọt (chất không calo) - (Sweeteners)

(Khi sử dụng phải ghi trên nhãn tên chất tạo ngọt. Khi nhập, sản xuất hoặc bán buôn, bán lẻ, sử dụng trong chế biến thực phẩm phải đăng ký xin phép tại Sở Y tế tỉnh, thành phố).

DANH MỤC	Giới hạn tối đa cho dùng trong thực phẩm (mg/kg)
1. Sorbitol (Sorbitol) (Mức tinh khiết không ít hơn 80% C ₅ H ₁₄ O ₆ theo trọng lượng khô) Nho khô	5
2. Saccharin (2 - sunphobenzoic imit) (Saccharin) (Mức tinh khiết không ít hơn 99% Saccharin theo trọng lượng khô)	50
3. Natri Saccharinat (Nari - 2 - Sunphobenzoic imit) (Saccharin Sodium) (Mức tinh khiết không ít hơn 99% Anhydrous Sodium Saccharin theo trọng lượng khô)	200 - 2000
4. Aspartam (Este metyl của Aspartame) (Mức tinh khiết không ít hơn 98,0 - 102,0% Aspartame theo trọng lượng khô). Thực phẩm chế biến bánh kẹo, nước quả, giải khát có CO ₂ , sữa chua, hỗn hợp Coca, cà phê, bột kem, hoa quả hòa tan, thực phẩm ăn liền, đồ ăn tráng miệng... viên gói Aspartame, quả khô và công thức hỗn hợp thực phẩm khô	10000 - 20000

(Trích tiêu chuẩn vệ sinh lương thực, thực phẩm ban hành theo Quyết định số 505-QĐ ngày 13-4-1992 và Quyết định bổ sung số 1057-BYT/QĐ ngày 21-11-1994 của Bộ Y tế).

THÔNG BÁO

Tạp chí *Vietnam Law & Legal Forum* (Pháp luật Việt Nam và Diễn đàn pháp lý) thuộc Thông tấn xã Việt Nam phối hợp với Ban biên tập Công báo nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thuộc Văn phòng Chính phủ xuất bản số chuyên đề gồm toàn văn Bộ Luật Dân sự của nước CHXHCN Việt Nam bằng hai ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Các tổ chức, cơ quan có nhu cầu mua số lượng lớn sẽ được tính theo giá ưu đãi.

Địa chỉ liên hệ:

● Tòa soạn *Vietnam Law & Legal Forum* ● Văn phòng RDI

5 Lý Thường Kiệt - Hà Nội

Tel.: (84.4) 248670

Fax: (84.4) 248672

76Bis Nam Kỳ Khởi Nghĩa,

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel.: (84.8) 290297, 292337

Fax: (84.8) 290087

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

In tại Công ty in Tiền Bộ - Hà Nội